

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2023

V/v cung cấp thông tin phục vụ
kiểm kê khí nhà kính cấp quốc
gia - ngành nông nghiệp và phát
triển nông thôn

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2114/SNN-KHTH ngày 03/7/2023, về việc cung cấp thông tin phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia - ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 4326/BNN-KHCN ngày 30/6/2023. Sau khi tổng hợp, Chi cục Kiểm lâm cung cấp các thông tin thuộc lĩnh vực lâm nghiệp theo mục V, Phiếu thu thập thông tin gửi kèm theo Văn bản số 4326/BNN-KHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, cụ thể như sau:

1. Bản đồ diễn biến rừng

- Năm 2010: Bản đồ dạng file số được gửi kèm tại đường dẫn: <https://drive.google.com/file/d/1Rzbr8HvrFSFw8DlnRECPPh3EIYqyJosS/view?usp=sharing>
- Năm 2020: Bản đồ dạng file số được gửi kèm tại đường dẫn: https://drive.google.com/file/d/17dHB07N_rdKwx61_oGqcDyo5EQyqcyB4/view?usp=sharing

2. Số liệu về diện tích cháy rừng và hiện trạng (loại rừng bị cháy)

a) Năm 2010:

- Diện tích cháy rừng: Xảy ra 24 vụ cháy, tổng diện tích 92,8 ha. Loại rừng bị cháy: Rừng trồng.

- Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp là 384.120,0 ha; trong đó, diện tích đất có rừng 287.250,6 ha, diện tích đất chưa có rừng là 96.869,4 ha và diện tích đất có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 253,9 ha (rừng tự nhiên 199.371,7 ha; rừng trồng 88.132,8 ha); độ che phủ rừng tính đến 31/12/2010 là 45,8%.

b) Năm 2020:

- Diện tích cháy rừng: Xảy ra 08 vụ cháy, tổng diện tích 15,87 ha. Loại rừng bị cháy: Rừng trồng.

- Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp là 380.069,24 ha; trong đó, diện tích đất có rừng 343.175,99 ha (rừng tự nhiên 215.850,39 ha; rừng trồng 127.325,60 ha), diện tích đất chưa có rừng 36.893,25 ha. Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp 37.416,08 ha (rừng tự nhiên 346,11

ha; rừng trồng 37.069,97 ha); độ che phủ rừng tính đến 31/12/2019 là 55,2% (trong quy hoạch lâm nghiệp là 50,68%; ngoài quy hoạch lâm nghiệp là 4,52%).

3. Số liệu về diện tích chuyển đổi và hiện trạng (loại rừng bị chuyển đổi)

a) Năm 2010: Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 539,99 ha.

- Quy hoạch: Rừng phòng hộ 539,99 ha.

- Hiện trạng: Rừng trồng 539,99 ha.

b) Năm 2020: Diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 111,38 ha.

- Quy hoạch: Rừng phòng hộ 35,59 ha, rừng sản xuất 75,79 ha.

- Hiện trạng: Rừng tự nhiên 0,73 ha, rừng trồng 95,71 ha; đất chưa có rừng 14,94 ha).

4. Số liệu về trữ lượng gỗ, củi khai thác trong rừng tự nhiên (bao gồm cả khai thác trái phép)

a) Năm 2010: Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên 5.905,2m³ (Công ty Lâm nghiệp Hà Thanh: 2.244,9m³; Công ty Lâm nghiệp Sông Kôn: 3.660,3m³).

b) Năm 2020: Không khai thác gỗ rừng tự nhiên.

5. Số liệu thống kê diện tích rừng trồng theo loài cây trồng chính, theo cấp tuổi hoặc cấp sinh trưởng và chủ quản lý

- Năm 2020: Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

6. Số liệu thống kê số lượng và quy mô các cơ sở sản xuất cây giống lâm nghiệp (vườn ươm)

- Năm 2020: Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng QLVR-BTTN;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Đức Sáu